

**NAM A BANK**

**ĐIỀU LỆ  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI  
CỔ PHẦN NAM Á**

**Năm 2020**

## PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nam Á) là ngân hàng thương mại được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nam Á được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng Nam Á quyết định thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 27 tháng 06 năm 2020.

### **Mục I. Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ**

#### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. “Địa bàn kinh doanh” là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mà tại đó Ngân hàng Nam Á được thiết lập địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật.
  - b. “Vốn điều lệ” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 11 Điều lệ này.
  - c. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng Nam Á sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
  - d. “Luật doanh nghiệp 2014” có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015).
  - e. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Ngân hàng Nam Á được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
  - f. “Cổ đông sáng lập” có nghĩa là người tham gia vào việc thông qua Điều lệ đầu tiên của Ngân hàng.
  - g. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
  - h. “Luật các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2017.
  - i. “Vốn pháp định” là vốn tối thiểu theo yêu cầu của luật pháp để thành lập Ngân hàng.
  - j. “Cổ đông lớn” của Ngân hàng Nam Á là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng Nam Á.



k. “Người điều hành ngân hàng” bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối, Giám đốc Khu vực, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và Giám đốc Trung tâm kinh doanh.

l. “NHNN” có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

m. “Cổ phần” là Vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.

n. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do Ngân hàng Nam Á phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng Nam Á.

o. “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng Nam Á và đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng Nam Á với tư cách một người nắm giữ (các) cổ phần.

p. “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của NHNN.

q. “Thời hạn hoạt động” có nghĩa là thời gian Ngân hàng Nam Á được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Ngân hàng Nam Á có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.

r. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

s. “Người quản lý ngân hàng” bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

t. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 15 Điều 3 Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Thông tư số 06/2016/TT-NHNN ngày 27/05/2016 và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017.

u. “Công ty con” của Ngân hàng Nam Á là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

i. Ngân hàng Nam Á hoặc Ngân hàng Nam Á và người có liên quan của Ngân hàng Nam Á sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;

ii. Ngân hàng Nam Á có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con;

iii. Ngân hàng Nam Á có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;

iv. Ngân hàng Nam Á và người có liên quan của Ngân hàng Nam Á trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.

v. “Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 50 Luật các tổ chức tín dụng.

w. “Mức cổ phần trọng yếu” là mức cổ phần chiếm từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng Nam Á.

x. “Tổ chức lại ngân hàng” là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại và chuyển đổi ngân hàng.

y. “Vốn tự có” gồm giá trị thực của vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á và các quỹ dự trữ, một số tài sản nợ khác theo quy định của NHNN.

z. “Sở hữu gián tiếp” là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của Ngân hàng Nam Á thông qua người có liên quan hoặc thông qua ủy thác đầu tư.

aa. “Công ty liên kết” của Ngân hàng Nam Á là công ty trong đó Ngân hàng Nam Á hoặc Ngân hàng Nam Á và người có liên quan của Ngân hàng Nam Á sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng Nam Á.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

**Mục II. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài và thời gian hoạt động của Ngân hàng Nam Á**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài và thời gian hoạt động của Ngân hàng Nam Á**

Ngân hàng Nam Á được phép hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 0026/NH-GP ngày 22 tháng 08 năm 1992 do Thống đốc NHNN cấp, Giấy phép thành lập số 463/GP-UB ngày 01/09/1992 của Ủy Ban Nhân Dân TP. HCM, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300872315 đăng ký lần đầu ngày 01/9/1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.

1. Tên Công ty:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt : NGÂN HÀNG NAM Á
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : NAM A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh : NAM A BANK

2. Ngân hàng Nam Á là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Ngân hàng Nam Á là: